

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DS-PT

Ngày: 25/3/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm H;

Bà Trần Thị Kim Em.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2019/TLPT-DS ngày 28/02/2019 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 506/2018/DSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐ-PT ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

*. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số B Trần Hưng Đạo, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1951; (có mặt)

Địa chỉ: Số B Đinh Bộ Lĩnh, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*. Bị đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Số C ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Tấn L, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Lê Thị Thanh Ngo, sinh năm 1969; (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn K; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*. Người kháng cáo: Nguyên đơn Lê Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Ngọc H là bà Phạm Thị D trình bày:*

Chị Lê Thị Ngọc H và chị Lê Thị Thanh T là bạn bè, chị H cho chị T vay tiền làm 02 lần. Lần 01: Vào ngày 15/10/2015 âm lịch chị H cho chị T vay số tiền 50.000.000 đồng có biên nhận, thỏa thuận chị T góp cho chị H mỗi ngày 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, bắt đầu góp vào ngày 16/10/2015 AL các bên không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ thỏa thuận mỗi ngày chị T góp 1.000.000 đồng đến khi hết nợ. Chị T đã góp được 28 ngày với số tiền là 28.000.000 đồng, còn thiếu lại chị H số tiền 22.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa.

Lần 02: Ngày 13/11/2015 âm lịch, chị T có vay thêm của chị H số tiền là 180.000.000 đồng, có biên nhận thỏa thuận mỗi ngày chị T góp 3.600.000 đồng cho chị H cho đến khi hết nợ. Thỏa thuận bắt đầu góp vào ngày 14/11/2015 AL nhưng chị T chưa góp được khoản tiền nào.

Do đó tổng số tiền chị T còn nợ chị H là 202.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu chị H trả số tiền 202.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo mức lãi suất của ngân hàng là 0.75%/tháng, kể từ ngày 23/12/2015 dương lịch đến ngày 31/7/2018 dương lịch là 48.000.000 đồng tiền lãi. Yêu cầu trả tiền gốc và lãi là 250.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Thị Thanh T là ông Phạm Ngọc D trình bày:*

Chị Lê Thị Thanh T có mượn tiền chị H theo biên nhận ngày 15/10/2015 âm lịch, tức ngày 26/11/2015 số tiền 50.000.000 đồng, góp trong vòng 60 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, bắt đầu góp từ ngày 16/10/2015 âm lịch, tức ngày 27/11/2015 dương lịch và đã góp xong vào ngày 16/12/2015 âm lịch tức ngày 25/01/2016 dương lịch

Chị T có mượn thêm tiền của chị H 180.000.000 đồng theo biên nhận ngày 13/11/2015 âm lịch, tức ngày 23/12/2015 dương lịch, số tiền này chị Thúy cũng góp cho chị H mỗi ngày 3.600.000 đồng, thời hạn góp là 60 ngày, với số tiền góp là 216.000.000 đồng, thời hạn bắt đầu góp là ngày 14/11/2015 âm lịch, tức ngày 24/12/2015 dương lịch, số tiền này chị T góp đến ngày 14/01/2016 âm lịch, tức ngày 21/02/2016 dương lịch là xong.

Chị T đã trả góp xong hai khoản nợ trên cho chị H theo thỏa thuận góp mỗi ngày nhưng chị H không trả lại cho chị Thúy 02 biên nhận nợ bản chính trên, khi đó chị H nói với chị Thúy để chị H xé bỏ 02 biên nhận nợ này, chị T cũng tin tưởng chị H vì ngoài 02 biên nhận bản chính ngày 15/10/2015 âm lịch và ngày 13/11/2015 dương lịch thì chị T còn mượn chị H nhiều khoản nợ khác, có viết biên nhận, khi chị T trả tiền xong thì chị H đều xé bỏ.

Vì chị T nợ chị H nhiều khoản tiền, mỗi khoản tiền đều có ghi biên nhận nên để đảm bảo trả nợ, anh L là chồng chị T đã đề nghị chị T và chị H tổng kết lại tất cả số nợ mà chị T còn thiếu chị H để anh biết và cùng với chị T trả cho chị H. Do đó ngày 31/12/2016 chị T và chị H có tính toán lại tất cả số nợ chị T còn nợ chị H, có làm biên nhận xác nhận nợ, có nội dung xác nhận lại tất cả các khoản nợ chị Th còn nợ chị H là 560.000.000 đồng, tính đến ngày 31/12/2016 chị T đã trả được 120.900.000 đồng nên tổng số nợ đến ngày 31/12/2016 còn lại là 439.100.000 đồng.

Ngoài ra trong nội dung biên nhận nợ nói trên còn ghi rõ tất cả các giấy nợ từ trước ngày 31/12/2016 đều không hợp lệ của vợ chồng chị T, anh L, tức là các bên đã tổng kết lại tất cả các khoản nợ chị T thiếu chị H chưa trả, đồng thời cũng xác định tất cả các giấy nợ từ trước ngày 31/12/2016 đều không có giá trị.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Tấn L trình bày:*

Chị Lê Thị Thanh T vay nợ, chơi hụi gì với chị Lê Thị Ngọc H thì anh hoàn toàn không biết, khi anh biết được việc chị T có nợ chị H nhiều khoản nợ xảy ra trước ngày 31/12/2016; sau đó chị H và chị T chốt lại nợ thì anh có cùng chị T lãnh trả góp nợ vay cho chị H theo biên nhận nợ 560.000.000 đồng được lập và tính

toán đến ngày 31/12/2016 còn lại là 439.100.000 đồng, số tiền này anh L phụ chi T góp xong cho chị H, tất cả các khoản nợ trước ngày 31/12/2016 không còn nợ kể từ ngày 31/12/2016, do chị H và chị T chốt nợ như trên nên chị H không trả lại các biên nhận nợ của chị T đối với chị H ghi trước ngày 31/12/2016.

Số nợ 560.000.000 đồng, góp được 120.900.000 đồng, còn lại 439.100.000 đồng bắt đầu góp đến nay đã xong, chính vì có sự phụ chi T góp tiền cho chị H nên anh có ký tên vào Biên nhận nợ ngày 31/12/2016 ở mặt sau biên nhận dưới chữ “chồng”. Do đó chị Lê Thị Thanh T trình bày không còn nợ chị H là có căn cứ, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc H.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Thanh N trình bày:*

Việc vay mượn tiền giữa chị Lê Thị Ngọc H với chị Lê Thị Thanh T chị N không biết, các biên nhận hay các giấy tờ có tên “N” là do chị T ghi tên chị vào, chị không biết gì, không liên quan gì đến vụ kiện giữa chị H và chị T. Do đó, chị không biết gì để trình bày ý kiến. Chị N đề nghị Tòa án không mời chị tham gia vụ kiện này, việc chị H kiện chị T không liên quan gì đến chị.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình, đồng thời anh K cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 506/2018/DSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 91, Khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429 điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H.

- Về án phí Chị Lê Thị Ngọc H phải nộp 12.500.000 đồng.

Chị Lê Thị Ngọc H đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai số 0014975 ngày 08/8/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C nên phải nộp tiếp 6.250.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 10/12/2018 nguyên đơn Lê Thị Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Ngọc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh D đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Thị Thanh T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo. Đề nghị giữ nguyên như quyết định án sơ thẩm

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L, chị N, anh K vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà D là đại diện theo ủy quyền của chị H trình bày chị H cho chị T vay 02 lần tiền. Lần 01: Vào ngày 15/10/2015 âm lịch chị H cho chị T vay số tiền 50.000.000 đồng; Lần 02: Ngày 13/11/2015 âm lịch, chị T có vay thêm của chị H số tiền là 180.000.000 đồng, các lần vay có biên nhận. Chị T góp nhiều lần còn nợ lại số là 202.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu chị H trả số tiền 202.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo mức lãi suất của ngân hàng là 0.75%/tháng, kể từ ngày 23/12/2015 dương lịch đến ngày 31/7/2018 dương lịch là 48.000.000 đồng tiền lãi. Yêu cầu trả tiền gốc và lãi là 250.000.000 đồng. Phía chị Thúy thừa nhận chị T có vay của chị H 02 lần tiền như lời trình bày của phía bị đơn nhưng chị giữa chị H và chị T, anh L là chồng chị T đã tổng kết tất cả các khoản nợ mà chị T còn nợ chị H

vào ngày 31/12/2016. Khi đó, chị T, anh L nợ chị H tổng cộng là 439.000.000 đồng và chị T, anh L đã trả xong số tiền 439.000.000 đồng cho chị H nên phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của phía bị đơn là có cơ sở. Bởi lẽ, ngày 31/12/2016 giữa chị H và chị T, anh L có tổng kết số nợ, làm biên nhận nợ và có ghi chú “*Tất cả các giấy nợ từ trước ngày 31/12/2016 đều không hợp lệ của vợ chồng tôi*”, thống nhất chị T, anh L còn nợ chị H tổng cộng 439.000.000 đồng và đã trả hết số nợ này cho chị H. Bà D cho rằng, ngoài các khoản nợ trên thì chị T còn nợ riêng chị H số tiền của lần vay ngày 15/10/2015 âm lịch và ngày 13/11/2015 âm lịch, vì chị T vay chị H nhiều lần tiền và chị T không muốn anh Lộc biết về khoản nợ này nên có thỏa thuận miệng với chị H là chị T sẽ trả riêng cho chị H. Lời khai nại của bà D không có cơ sở và không được phía chị T thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 429 điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Ngọc H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 506/2018/DSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 6.250.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0014975 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên chị H phải nộp tiếp 6.250.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015431 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên chị H, nên xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
 - VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C;
 - CC THADS huyện C;
 - Các đương sự;
 - Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Toàn